

**CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN HEVA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN HEVA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HEVA CORP CO., LTD

Tên công ty viết tắt: HEVA CORP COMPANY LIMITED

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109181756

**3. Ngày thành lập:** 13/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 102 Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                        | 4632        |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa<br>Loại trừ: Đấu giá hàng hóa                                                                                                                                              | 4610        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết : Bán buôn dược phẩm ( Luật Dược số 105/2016/QH13 )                                                                                                                                                                        | 4649        |
| 4.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                              | 4690        |
| 5.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết : Bán lẻ dược phẩm ( Luật Dược số 105/2016/QH13 )                                                                                                                     | 4772(Chính) |
| 6.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)                                                                                                                                                                        | 4773        |
| 7.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ Đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                                                              | 4791        |
| 8.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng) | 4799        |
| 9.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động của nhà đấu giá bán lẻ)                                                                                                                                                                               | 4721        |

|     |                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động của nhà đầu giá bán lẻ)                                                                                           | 4722 |
| 11. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động của nhà đầu giá bán lẻ)                                                                                             | 4723 |
| 12. | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo pháp luật cấm kinh doanh; không đập, cắt, gò, hàn, sơn bảng hiệu quảng cáo tại trụ sở)                                                                   | 7310 |
| 13. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                       | 7120 |
| 14. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn Pháp luật và tư vấn tài chính)                                                                                                     | 7020 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Điều 28 – Luật thương mại số 36/2005/QH11) | 8299 |
| 16. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động của nhà đầu giá bán lẻ)                                     | 4741 |
| 17. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                      | 1812 |
| 18. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động của nhà đầu giá bán lẻ)                                                                             | 4774 |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                     | 5610 |
| 20. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                             | 5621 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên                             | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN M'MON | Số 102 đường Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | 1.200.000.000         | 60,000    | 0109082441                                                                                                                                        |         |

|   |                            |                                                                                      |             |        |              |  |
|---|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | NGUYỄN<br>THỊ HÀ<br>PHƯƠNG | Tập thể kho 708, Xã<br>Ngọc Hồi, Huyện<br>Thanh Trì, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam   | 100.000.000 | 5,000  | 040192001065 |  |
| 3 | LÊ TUẤN<br>ANH             | TDP Số 1, Phường<br>Đông Ngạc, Quận<br>Bắc Từ Liêm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | 700.000.000 | 35,000 | 001093000587 |  |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ TUẤN ANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *09/03/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001093000587*

Ngày cấp: *14/12/2016*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *TDP Số 1, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *TDP Số 1, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*